TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN HÀ ĐÔNG** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 875/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 17-11-2022
V/v: tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HÀ ĐÔNG - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà ***Trần Thị Diệp Linh***

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Tô Thị Kim Dung

Ông Bùi Văn Chanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Sơn - Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 11 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 541/2022/TLST-HNG§ ngµy15 th¸ng 07 n¨m 2022 về *Tranh chấp ly hôn*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 09 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2022/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2022, Thông báo mở lại phiên tòa số 4150/TB-TA ngày 03 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Minh T, sinh năm 1994. HKTT: số 4C ngõ 2 P, phường Q, quận H, thành phố Hà Nội. (Có mặt tại phiên tòa).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Phan Công T và luật sư Lê Lưu L - Luật sư Công ty Luật TNHH E thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội. (Ông Tiến có mặt, bà Liên vắng mặt).

*** Bị đơn:** Anh Kiều Văn T, sinh năm 1992. HKTT: Thôn Q, xã H, huyện Ứ, thành phố Hà Nội. Nơi ở hiện nay: Số nhà 31 ngõ 5 P, phường L, quận H, thành phố Hà Nội. (Có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và các bản tự khai, chị Nguyễn Thị Minh T trình bày:

Chị Nguyễn Thị Minh T và anh Kiều Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường Quang Trung, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội ngày 14.05.2020. Sau khi kết hôn, 2 vợ chồng chị ở nhà mẹ chị T tại số 4C ngõ 2 Phan Đình Giót, phường Quang Trung, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội. Một năm sau, hai vợ chồng chị thuê nhà ở riêng tại số nhà 31 ngõ 5 P, phường L, quận H, thành phố Hà Nội. Khoảng tháng 2, tháng 3 năm 2021 đến tháng 07.2021, hai vợ chồng ở nhà thuê với nhau. Quá trình chung sống do cách sống và quan điểm sống không hợp nhau nên vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, mâu thuẫn phát sinh từ năm 2020 đến nay không thể hàn gắn được. Khoảng tháng 7.2021, chị T chuyển về nhà mẹ đẻ ở, anh Tú vẫn ở nhà thuê tại số nhà 31 ngõ 5 P, phường L, quận H, thành phố Hà Nội, vợ chồng ly thân từ tháng 9 năm 2021. Đến nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể tiếp tục nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: anh chị có 02 con chung là cháu Kiều Quỳnh A, sinh ngày 29.07.2020. Hiện cháu Quỳnh A đang ở với bố, nhưng thực tế ở với ông bà nội; cháu Kiều Mai Trúc A, sinh ngày 16.02.2022. Hiện cháu Trúc A đang ở với mẹ. Anh Kiều Văn T không thăm con chung là Trúc A và không gọi điện hỏi thăm cháu. Bản thân vẫn gọi điện hỏi thăm cháu lớn.

Khi ly hôn, chị đề nghị được nuôi cả hai con chung là cháu Kiều Quỳnh A, sinh ngày 29.07.2020 và cháu Kiều Mai Trúc A, sinh ngày 16.02.2022. Chị yêu cầu được nuôi hai con vì chị tự nhận thấy chị có thể chăm sóc tốt cho cả hai con chung. Hiện chị đang làm nhân viên y tế (điều dưỡng) tại Phòng khám sản Phương Lan - địa chỉ: Ki ốt 78 chợ Yên Phúc, phường Phúc La, Hà Đông, Hà Nội. Thu nhập là 7.000.000đ/tháng. Hiện chị đang ở với bố mẹ đẻ và anh chị tại số 4C ngõ 2 P, phường Q, quận H, thành phố Hà Nội. Nhà bố mẹ đẻ chị có 2 anh em, anh trai chị đã lấy vợ và đang sinh sống cùng nhà. Nếu chị được nuôi 02 con chung chị đề nghị anh Tú cấp dưỡng nuôi con chung là 6.000.000đ/tháng. Trong trường hợp chị không được nuôi cả 2 con chung, chị sẽ tự nguyện cấp dưỡng theo yêu cầu của anh T.

Về tài sản chung, bất động sản chung, công nợ chung: Chị không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Kiều Văn T trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị Minh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 14.05.2020 tại Ủy ban nhân dân phường Quang Trung, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

Sau khi kết hôn, 2 vợ chồng anh chị ở nhà bố mẹ đẻ chị T tại số 4C ngõ 2 P, phường Q, quận H, thành phố Hà Nội. Một năm sau, anh thuê nhà ở riêng tại số nhà 31 ngõ 5 P, phường L, quận H, thành phố Hà Nội. Tháng 4.2021 vợ anh có ra ở cùng anh tại nhà thuê. Quá trình chung sống do cách sống và quan điểm sống không hợp nhau nên vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Mâu thuẫn phát sinh từ năm 2020 đến nay. Vợ chồng ly thân từ năm 2021, chị T chuyển về nhà mẹ đẻ khoảng tháng 7.2021. Đến nay anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể tiếp tục, chị T có đơn xin ly hôn, anh đồng ý nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn.

- Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Kiều Quỳnh A, sinh ngày 29.07.2020 và cháu Kiều Mai Trúc A, sinh ngày 16.02.2022. Hiện cháu Quỳnh A đang ở với bố, cháu Trúc A đang ở với mẹ. Từ khi cháu nhỏ sinh ra, anh có sang thăm con 1 - 2 lần. Tuy nhiên, do sự khác biệt về tính cách và quan điểm sống nên anh không sang thăm cháu nữa, thỉnh thoảng anh có gọi hỏi thăm qua ông bà ngoại.

Nếu ly hôn, anh đề nghị được nuôi cháu Kiều Quỳnh A, sinh ngày 29.07.2020 và chị T nuôi cháu Kiều Mai Trúc A, sinh ngày 16.02.2022. Trong trường hợp vợ anh không nuôi được con chung, anh đề nghị được nuôi cả 02 con chung. Nếu anh nuôi cả 2 con chung, anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng. Hiện anh đang làm phẫu thuật viên tại trung tâm gây mê - Bệnh viện Việt Đức. Thu nhập hàng tháng 30.000.000đ/tháng. Hiện anh đang ở nhà thuê tại số nhà 31 ngõ 5 P, phường L, quận H, thành phố Hà Nội. Khi anh lấy vợ, ở nhà vợ thì anh vẫn đóng tiền thuê nhà ở đây.

Trong trường hợp chị T nuôi cả hai con chung và yêu cầu cấp dưỡng 6.000.000đ/tháng thì anh không đồng ý, anh chỉ đồng ý cấp dưỡng trong khả năng của anh, không cố định hàng tháng.

- Về tài sản chung (động sản, bất động sản): Anh chị xác nhận tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công nợ: Anh T xác nhận anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo địa phương nơi anh T đang sống cung cấp, anh T hiện đang sinh sống tại số nhà 31 ngõ 5 P, phường L, quận H, thành phố Hà Nội. Hiện anh T ở đây không ở cùng với vợ nên vợ chồng có mâu thuẫn hay không thì địa phương không nắm được. Nay, chị T xin ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà:

***** Chị T có mặt tại phiên tòa và vẫn kiên quyết xin ly hôn. Chị cho biết chị có về quê thăm cháu lớn ở với ông bà nội vào ngày 02.11.2022, nhưng chị không gặp được con vì ông bà nói rằng cháu đang đi học. Chị cũng không ra trường gặp con, không ở lại đợi và quay về Hà Nội luôn vì chị còn phải đi làm. Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Kiều Quỳnh A, sinh ngày 29.07.2020. Hiện cháu Quỳnh A đang ở với ông bà nội; cháu Kiều Mai Trúc A hiện đang ở với chị. Khi ly hôn, chị đề nghị được nuôi cả 02 con chung vì chị cho rằng hai cháu đều là gái nên cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng của mẹ vì người mẹ mới hiểu được tâm sinh lý của con gái. Đồng thời chị cũng yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 6.000.000đ/tháng.

* Anh T trình bày: Sau khi kết hôn, vợ chồng anh ở nhà bố mẹ đẻ chị T tại số 4C ngõ 2 P, phường Q, quận H, thành phố Hà Nội. Một năm sau, anh thuê nhà ở riêng tại số nhà 31 ngõ 5 P, phường L, quận H, thành phố Hà Nội. Tháng 4.2021, vợ anh có ra ở cùng anh tại nhà thuê. Quá trình chung sống do cách sống và quan điểm sống không hợp nhau nên vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Mâu thuẫn phát sinh từ năm 2020 đến nay. Vợ chồng ly thân từ năm 2021, chị T chuyển về nhà mẹ đẻ khoảng tháng 7.2021. Đến ngày 05.08.2021, anh T đi chống dịch trong miền Nam đến 25.10.2021 anh mới về Hà Nội. Từ đó anh vẫn tiếp tục ở nhà thuê tại số nhà 31 ngõ 5 P, phường L, quận H, thành phố Hà Nội. Tuy nhiên, từ thời điểm đó chị T không về nhà trọ ở cùng anh nữa. Tuy nhiên, anh T vẫn chu cấp và đi lại nhà ông bà ngoại để thăm con. Khi chị T sinh em bé, anh T vẫn đưa chị đi sinh và chăm sóc con chung ở bệnh viện. Đến nay anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục

đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể tiếp tục, chị T có đơn xin ly hôn, anh đồng ý nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Kiều Quỳnh A, sinh ngày 29.07.2020 và cháu Kiều Mai Trúc A, sinh ngày 16.02.2022. Hiện cháu Quỳnh A đang ở với bố, cháu Kiều Mai Trúc A đang ở với mẹ. Từ khi cháu nhỏ sinh ra, anh có sang 1 - 2 lần. Tuy nhiên, do sự khác biệt về tính cách và quan điểm sống nên anh không sang thăm cháu nữa, thỉnh thoảng anh có gọi hỏi thăm qua ông bà ngoại. Nếu ly hôn, anh đề nghị được nuôi cháu Kiều Quỳnh A, sinh ngày 29.07.2020 và chị T nuôi cháu Kiều Mai Trúc A, sinh ngày 16.02.2022, vì từ khi sinh cháu thứ 2 thì chị T không hề về thăm cháu thứ nhất. Hiện anh đang làm phẫu thuật viên tại trung tâm gây mê - Bệnh viện Việt Đức, thu nhập hàng tháng 30.000.000đ/tháng. Hiện anh đang ở nhà thuê tại Số nhà 31 ngõ 5 P, phường L, quận H, thành phố Hà Nội. Khi anh lấy vợ, ở nhà vợ thì anh vẫn đóng tiền thuê nhà ở đây. Anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T là 3.000.000đ/tháng.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị T nêu quan điểm và đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận đơn ly hôn của chị T. Đồng thời giao cả 02 con chung là cháu Kiều Quỳnh A, sinh ngày 29.07.2020 và cháu Kiều Mai Trúc A, sinh ngày 16.02.2022 cho chị T nuôi dưỡng vì 02 cháu đều là con gái, dưới 36 tháng tuổi, chị T đủ điều kiện về kinh tế, chỗ ở, tình cảm và tư cách đạo đức lối sống, hơn nữa anh T không có thời gian cũng như điều kiện vật chất, kĩ năng để chăm sóc con chung. Về cấp dưỡng: Đề nghị anh T cấp dưỡng nuôi con chung là 6.000.000đ/tháng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước khi mở phiên toà: Thẩm phán, Thư ký Toà án thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước khi mở phiên toà. Tại phiên toà: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề nghị: Về việc giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Minh T và anh Kiều Văn T, xử cho chị Nguyễn Thị Minh T được ly hôn với anh Kiều Văn T.

Về con chung: Giữa chị Nguyễn Thị Minh T và anh Kiều Văn T có 02 con chung là cháu Kiều Quỳnh A, sinh ngày 29.07.2020 và cháu Kiều Mai Trúc A, sinh ngày 16.02.2022. Hiện cháu Quỳnh A đang ở với bố, cháu Trúc A đang ở với mẹ. Để đảm bảo cuộc sống của các con, đề nghị giao con chung là Kiều Mai Trúc A, sinh ngày 16.02.2022 cho chị Nguyễn Thị Minh T nuôi dưỡng và giao cháu Kiều Quỳnh A, sinh ngày 29.07.2020 cho anh Kiều Văn T nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung của anh T

Về tài sản chung, bất động sản chung, công nợ chung: Anh chị đều không yêu cầu tòa giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị Minh T nộp đơn xin ly hôn với anh Kiều Văn T có địa chỉ cư trú tại số nhà 31 ngõ 5 P, phường L, quận H, thành phố Hà Nội. Tòa án nhân dân quận Hà Đông thụ lý, giải quyết vụ án tranh chấp ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Minh T và anh Kiều Văn T là đúng thẩm quyền theo loại việc, theo cấp toà án và theo lãnh thổ quy định tại khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Minh T kết hôn với anh Kiều Văn T ngày 14.05.2020 tại Ủy ban nhân dân phường Quang Trung, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Minh T và anh Kiều Văn T là hợp pháp. Chị Nguyễn Thị Minh T và anh Kiều Văn T mặc dù là vợ chồng nhưng đã sống ly thân, vợ chồng không quan tâm, Tơng yêu, tôn trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau chia sẻ, thực hiện các công việc của gia đình, không còn khả năng đoàn tụ. Chị T xin ly hôn, anh T đồng ý.

Xét thấy tình trạng hôn nhân của chị Nguyễn Thị Minh T và anh Kiều Văn T đã trầm trọng, đời sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân

không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Toà án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Minh T và anh Kiều Văn T, giải quyết cho chị Nguyễn Thị Minh T được ly hôn với anh Kiều Văn T.

[3] Về con chung: Giữa chị Nguyễn Thị Minh T và anh Kiều Văn T có 02 con chung là cháu Kiều Quỳnh A, sinh ngày 29.07.2020 và cháu Kiều Mai Trúc A, sinh ngày 16.02.2022. Hiện cháu Quỳnh A đang ở với bố, cháu Trúc A đang ở với mẹ. Khi ly hôn, chị Nguyễn Thị Minh T đề nghị được nuôi 02 con chung và yêu cầu anh Kiều Văn T cấp dưỡng nuôi con là 6.000.000đ/tháng. Anh Tú đề nghị được nuôi cháu lớn là Kiều Quỳnh Anh, sinh ngày 29.07.2020 vì cho rằng bạn bé chưa được 1 tuổi nên ở với mẹ.

Xét thấy, hiện nay con lớn của anh chị là Kiều Quỳnh A, sinh ngày 29.07.2020 đang ở với bố và được chăm sóc tốt. Bản thân anh Kiều Văn T đang làm phẫu thuận viên tại trung tâm gây mê - Bệnh viện Việt Đức, có thu nhập ổn định trung bình trong ba tháng gần nhất là khoảng hơn 30.000.000đ (tháng 4 năm 2022 là 33.997.523đ, tháng 5 năm 2022 là 20.298.466đ, tháng 6 năm 2022 là 45.182.023đ). Anh Tú cũng đang có chỗ ở ổn định là nhà bố mẹ đẻ tại Thôn Q, xã H, huyện Ứ, thành phố Hà Nội, để thuận tiện cho việc đi làm anh vẫn thuê nhà tại số nhà 31 ngõ 5 P, phường L, quận H, thành phố Hà Nội. Cháu Kiều Quỳnh Anh đang được ông bà nội hỗ trợ anh chăm sóc, nuôi dưỡng. Hàng ngày nếu không bận trực thì sau giờ tan làm anh vẫn về Ứng Hòa cùng gia đình chăm sóc con chung.

Cháu Kiều Mai Trúc A, sinh ngày 16.02.2022 hiện đang ở với mẹ là chị Nguyễn Thị Minh T. Đến nay cháu chưa được một tuổi. Do hoàn cảnh nên chị T sau khi sinh con 4 tháng đã đi làm nhân viên y tế (điều dưỡng) tại Phòng khám sản Phương Lan có địa chỉ tại: Ki ốt 78 chợ Yên Phúc, phường Phúc La, Hà Đông, Hà Nội. Thu nhập là 8.000.000đ/tháng. Ngoài ra, chị còn bán hàng online và chính bản thân chị cũng đi ship hàng, có thu nhập ổn định. Hiện chị đang ở với bố mẹ đẻ tại số 4C ngõ 2 P, phường Q, quận H, thành phố Hà Nội. Nhà bố mẹ đẻ chị có 2 anh em, anh trai chị đã lấy vợ và đang sinh sống cùng nhà. Bố mẹ, anh chị của chị T cũng tự nguyện và hỗ trợ cho chị T rất nhiều trong việc chăm sóc nuôi dưỡng các con. Từ khi sinh con thứ hai, chị T chưa có điều kiện về thăm cháu lớn mặc dù gia đình anh T không cản trở việc chị thăm con chung.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử nhận thấy: hiện nay 02 cháu Kiều Quỳnh A, sinh ngày 29.07.2020 và cháu Kiều Mai Trúc A, sinh ngày 16.02.2022 đang được chăm sóc tốt. Bản thân anh T và chị T đều có nơi ở ổn định, có công việc và thu nhập đủ để chăm sóc con chung. Bản thân anh chị đều có nguyện vọng được chăm sóc con chung. Do đó, để không làm xáo trộn đến cuộc sống yên bình của con chung và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung có tuổi thơ tốt nhất, căn cứ vào Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Toà án giao cháu Kiều Quỳnh A, sinh ngày 29.07.2020 cho anh Kiều Văn T, giao cháu Kiều Mai Trúc A, sinh ngày 16.02.2022 cho chị Nguyễn Thị Minh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi chị Nguyễn Thị Minh T và anh Kiều Văn T ly hôn cho đến khi cháu Kiều Quỳnh A, sinh ngày 29.07.2020, cháu Kiều Mai Trúc A, sinh ngày 16.02.2022 được 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Chị Nguyễn Thị Minh T và anh Kiều Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Ghi nhận sự tự nguyện của anh T cấp dưỡng nuôi con chung là 3.000.000đ/tháng kể từ khi ly hôn cho đến khi cháu Kiều Mai Trúc Anh, sinh ngày 16.02.2022 đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

[4] Về tài sản chung, bất động sản chung, nợ chung: chị Nguyễn Thị Minh T và anh Kiều Văn Tú không yêu cầu toà án giải quyết nên Toà án không xem xét.

[5] Về án phí: chị Nguyễn Thị Minh T và anh Kiều Anh T phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 235, Điều 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Khoản 1 Mục I, Danh mục án phí lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Minh T đối với anh Kiều Văn T. Chị Nguyễn Thị Minh T được ly hôn với anh Kiều Văn T.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Minh T và anh Kiều Văn T có 02 con chung là cháu Kiều Quỳnh A, sinh ngày 29.07.2020 và cháu Kiều Mai Trúc A, sinh ngày 16.02.2022. Giao cháu Kiều Quỳnh A, sinh ngày 29.07.2020 cho anh Kiều Văn T, giao cháu Kiều Mai Trúc A, sinh ngày 16.02.2022 cho chị Nguyễn Thị Minh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi chị Nguyễn Thị Minh T và anh Kiều Văn T ly hôn cho đến khi cháu Kiều Quỳnh A, sinh ngày 29.07.2020, cháu Kiều Mai Trúc A, sinh ngày 16.02.2022 được 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Chị Nguyễn Thị Minh T và anh Kiều Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Ghi nhận sự tự nguyện của anh Kiều Văn T cấp dưỡng nuôi con chung là 3.000.000đ/tháng kể từ khi ly hôn cho đến khi cháu Kiều Mai Trúc A, sinh ngày 16.02.2022 đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

3. Về tài sản chung, bất động sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Minh T và anh Kiều Văn T không yêu cầu toà án giải quyết nên Toà không xem xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Minh T phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự đối với yêu cầu ly hôn được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0010358 ngày 15.07.2022 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

Anh T phải chịu 300.000đ án phí về cấp dưỡng nuôi con chung.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- *TAND TP Hà Nội;*
- *VKSND TP Hà Nội;*
- *VKSND quận Hà Đông;*
- *THADS quận Hà Đông;*
- *UBND nơi đăng ký kết hôn;*
- *Đương sự;*
- *Lưu HS, VT.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Diệp Linh